

TÌM HIỂU MỐI LIÊN QUAN GIỮA DỊ ỨNG, MẮN CẢM VỚI MỘT SỐ DỊ NGUYÊN Ở BỆNH NHÂN HEN PHẾ QUẢN TẠI BỆNH VIỆN NHI TRUNG ƯƠNG, NĂM 2012

LÊ THANH HẢI, LÊ THỊ MINH HƯƠNG
Bệnh viện Nhi Trung ương

TÓM TẮT

Hen phế quản là bệnh gây ảnh hưởng nhiều đến sức khỏe và sự sinh hoạt hàng ngày của người bệnh. Trên thế giới có khoảng 300 triệu người mắc. Các nghiên cứu trước đó đã chỉ ra rằng việc cơ địa quá mẫn cảm cũng góp phần vào hình thành bệnh hen. Do vậy, chúng tôi tiến hành nghiên cứu trên 143 bệnh nhân hen phế quản độ tuổi từ 6-15, thời gian nghiên cứu từ tháng 01 đến tháng 12 năm 2012. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng:

- Tiền sử mắc và hiện tại mắc các bệnh: Viêm mũi dị ứng 75,52%, mề đay 30,07%, chàm 4,2%, dị ứng thuốc 2,8%.

- Dương tính với dị nguyên: Mạt nhà *D.pteronyssinus* 52,45%, *D.farinae* 48,25%, lông chó 29,37%, lông mèo 127,27%, gián là 12,59%, chuột là 4,2%.

- Có mối liên quan giữa tình trạng bệnh nặng và dai dẳng với viêm mũi dị ứng, mề đay và các phản ứng dương tính với *D.pteronyssinus*, *D.farinae*, lông chó, lông mèo, gián.

SUMMARY

AN INVESTIGATION ON THE RELATION BETWEEN ALLERGY, SENSITIVITY AND SOME ALLERGENS IN ASTHMATIC PATIENTS AT NATIONAL HOSPITAL OF PEDIATRICS IN 2012

Asthma is a disease which affects much on patient's health and daily life. There are about 300 million people worldwide acquired asthma. Previous researches have shown that the sensitivity of body also leads to asthma. Thus, we did a research on 143 asthmatic patients from 6 to 15 years old from January to December, 2012. Here is the result:

- Historical and present prevalence: allergic rhinitis was 75,52%, urticaria was 30,07%, eczema was 4,2%, drug allergy was 2,8%

- Positivity to allergens: 52,45% of *D.pteronyssinus*, 48,25% of *D.farinae*, 29,37% of dog fur, 27,27% of cat fur, 12,59% of cockroach, 4,2% of mice.

- There was relation between the severe condition of the disease and long period of allergic rhinitis, urticaria and positive response to *D.pteronyssinus*, *D.farinae*, dog and cat fur, cockroach.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Trên thế giới có khoảng 300 triệu người đã từng mắc hen phế quản, trong đó trẻ em là đối tượng có tỷ lệ mắc cao. Hàng năm trên thế giới có khoảng 15 triệu người mắc mới và có khoảng 1% số ca tử vong. Hen phế quản là một trong 25 bệnh có số năm sống bị mất do tàn tật cao nhất [5]. Tỷ lệ trẻ đã từng có các dấu hiệu hen phế quản trên thế giới ở lứa tuổi 6-7 tuổi là 9,4%, ở nhóm tuổi 13-14 là 12,6%. Ở Việt Nam tỷ lệ hen phế quản lứa tuổi 6-7 tuổi khoảng

4,5%, lứa tuổi 13-14 khoảng 5% [6].

Yếu tố cơ địa dị ứng là yếu tố ảnh hưởng mạnh nhất trong HPQ. Những trẻ có cơ địa dị ứng có khả năng mắc bệnh hen cao hơn gấp 10- 20 lần so với người không có cơ địa dị ứng. Sự tồn tại quá mẫn cảm là yếu tố ảnh hưởng quan trọng hình thành bệnh ở mỗi cá thể. Người ta cho rằng 50- 60% các trường hợp hen là có cơ địa quá mẫn cảm. Các nghiên cứu gần đây cho thấy có mối tương quan chặt chẽ giữa dị ứng với hen phế quản và giữa IgE với hen phế quản. Những trẻ bị viêm mũi dị ứng, chàm dễ bị dị ứng với các tác nhân môi trường. Xét nghiệm máu của những trẻ này, đặc biệt khi trẻ đó có hen, đã chỉ ra rằng mức IgE toàn phần và IgE đặc hiệu cao hơn có ý nghĩa thống kê. Mối liên quan giữa IgE với viêm mũi dị ứng hoặc hen đã được chứng minh bởi hiệu quả của việc sử dụng các kháng thể đơn dòng kháng IgE trong việc điều trị những bệnh này [3]. Như vậy yếu tố cơ địa quá mẫn là một nguyên nhân quan trọng góp phần vào hình thành hen phế quản [4].

Để có thêm những hiểu biết vai trò của triệu chứng dị ứng và mẫn cảm với một số dị nguyên với nhân hen, chúng tôi tiến hành nghiên cứu các bệnh dị ứng và mẫn cảm với các dị nguyên ở bệnh nhân hen phế quản điều trị tại bệnh viện Nhi Trung ương năm 2012.

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đối tượng nghiên cứu: Bệnh nhân hen phế quản, tuổi từ 6-15 tuổi khám, điều trị tại khoa Miễn dịch - Dị ứng - Khớp Bệnh viện Nhi Trung ương từ tháng 01 đến tháng 12 năm 2012.

Phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang có phân tích.

Phương pháp thu thập số liệu:

- Chẩn đoán Bệnh hen: Theo hướng dẫn của GINA 2009. Phân loại theo mức độ nặng của bệnh hen phế quản với 4 bậc (Bậc 1: Từng cơn; Bậc 2: Nhẹ dai dẳng; Bậc 3: Trung bình nhẹ dai dẳng; Bậc 4: Nặng dai dẳng).

- Tiền sử dị ứng: Mắc bệnh dị ứng được phỏng vấn phụ huynh các em và ghi lại có sự kết hợp với theo dõi bệnh án trước đó.

- Test lấy da xác định dị nguyên (Prick test): Test này được tiến hành để xác định những dị nguyên nào có liên quan tới các triệu chứng bệnh. Test chỉ được tiến hành ngoài giai đoạn cấp của bệnh và đảm bảo trước 2 tuần bệnh nhân không được dùng các loại thuốc chống dị ứng. Nguyên lý: khi đưa dị nguyên vào tổ chức da người bệnh, dị nguyên sẽ kết hợp với kháng thể reagin (IgE) bám trên bề mặt dưỡng bào ở mô dưới da, hình thành phức hợp kháng nguyên-kháng thể. Phức hợp này kích hoạt các dưỡng bào và làm giải phóng ra một loạt chất trung gian hóa học,

trong đó quan trọng nhất là histamin. Do tác dụng dược lý của histamin tác động lên mô dưới da gây phù nề, xung huyết, sẩn ngứa nơi thử test. Dựa vào đường kính ban sẩn để đánh giá kết quả.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Kết quả nghiên cứu trên 143 bệnh nhân, trong đó có tỷ lệ trẻ nam 70%, nữ là 30%. Nhóm 6-11 tuổi 90%, độ tuổi 12-15 là 10%. Khu vực thành thị

55,24%, nông thôn 44,76%.

1. Thực trạng các bệnh dị ứng và mẫn cảm với các dị nguyên ở bệnh nhân hen phế quản

Kết quả cho thấy, số bệnh nhân có tiền sử gia đình mắc dị ứng chiếm 34,27% (49/143), số bệnh nhân có tiền sử mắc bệnh dị ứng trước khi mắc hen phế quản chiếm 74,13% (106/143), các kết quả về bệnh dị ứng và dương tính với các dị nguyên như sau:

Bảng 1: Thực trạng các bệnh dị ứng và mẫn cảm với các dị nguyên ở bệnh nhân hen phế quản tại Bệnh viện Nhi Trung ương năm 2012

Đặc điểm	Tần số	Tỷ lệ	CI 95%	
<i>Bệnh dị ứng</i>	118	82,52	75,08	89,33
Dị ứng thuốc	4	2,80	0,9	7,45
Chàm	6	4,20	1,72	9,31
Mề đay	43	30,07	22,84	38,39
Viêm mũi dị ứng	108	75,52	67,5	82,15
<i>Dương tính các dị nguyên</i>	92	64,34	55,85	72,04
D.pteronyssinus	75	52,45	43,96	60,8
D.farina	69	48,25	39,88	56,72
Lông chó	42	29,37	21,21	37,66
Lông mèo	39	27,27	20,33	35,46
Gián	18	12,59	7,83	19,42
Chuột	6	4,20	1,72	9,31

Tiền sử mắc và hiện tại mắc các bệnh dị ứng của bệnh nhân chiếm 82,52%, trong đó bệnh viêm mũi dị ứng có số mắc cao nhất trong các bệnh dị ứng, chiếm tỷ lệ 75,52%, tiếp đó là bệnh mề đay chiếm tỷ lệ 30,07%, bệnh chàm có tỷ lệ 4,2%, dị ứng thuốc chiếm tỷ lệ 2,8%. Sử dụng test lấy da cho kết quả tỷ lệ các bệnh nhân có dương tính với dị nguyên là 64,34%. Trong đó dương tính với mạt nhà D.pteronyssinus chiếm tỷ lệ cao nhất là 52,45%, tiếp đó là D.farinae với tỷ lệ 48,25%, lông chó là 29,37%, lông mèo là 27,27%, gián là 12,59%, chuột là 4,2%.

2. Mối liên quan giữa bệnh dị ứng, mẫn cảm với mức độ hen phế quản hen phế quản

Nhằm đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc quá mẫn cảm với các mức độ trầm trọng của bệnh hen phế quản. Trong đó mức độ trầm trọng của hen phế quản được đánh giá theo 4 bậc: Bậc 1: Từng cơn; Bậc 2: Nhẹ dai dẳng; Bậc 3: Trung bình nhẹ dai dẳng; Bậc 4: Nặng dai dẳng.

Bảng 2: Mối liên quan giữa tình trạng bệnh và một số yếu tố dị ứng, mẫn cảm

Đặc điểm		Nặng, dai dẳng		Trung bình, nhẹ		P	OR (CI 95%)
		SL	TL	SL	TL		
Dị ứng thuốc	Có	2	50,00	2	50,00	0,2285	3,21 (0,22;45,45)
	Không	33	23,74	106	76,26		
Chàm	Có	2	33,33	4	66,67	0,6061	1,58 (0,14;11,53)
	Không	33	24,09	104	75,91		
Mề đay	Có	18	41,86	25	58,14	0,0015	3,52 (1,46;8,43)
	Không	17	17,00	83	83,00		
Viêm mũi dị ứng	Có	31	28,70	77	71,30	0,0388	3,12 (0,98;13,09)
	Không	4	11,43	31	88,57		
<i>Dị ứng với dị nguyên</i>							
D.pteronyssinus	Có	24	32,00	51	68,00	0,028	2,44 (1,02;6,06)
	Không	11	16,18	57	83,82		
D.farina	Có	26	37,68	43	62,32	0,0004	4,37 (1,76;11,55)
	Không	9	12,16	65	87,84		
Lông chó	Có	29	69,05	13	30,95	<0,0001	35,32 (11,23;119,89)
	Không	6	5,94	95	94,06		
Lông mèo	Có	28	71,79	11	28,21	<0,0001	35,27 (11,34;115,11)
	Không	7	6,73	97	93,27		
Gián	Có	8	44,44	10	55,56	0,0351	2,90 (0,89;9,03)
	Không	27	21,60	98	78,40		
Chuột	Có	2	33,33	4	66,67	0,6051	1,58 (0,14;11,53)
	Không	33	24,09	104	75,91		

Có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa tình trạng bệnh hen phế quản và các bệnh mề đay và bệnh viêm mũi dị ứng (P<0,05). Trong đó nguy cơ hen phế quản thể nặng, dai dẳng ở nhóm mắc mề đay cao gấp 3,52 lần nhóm không mắc mề đay (CI 95%: 1,46;8,43). Nguy cơ hen phế quản thể nặng hơn, dai dẳng ở nhóm viêm mũi dị ứng cao gấp 3,12 lần nhóm không viêm mũi dị ứng (0,98;13,09).

Các yếu tố dị nguyên bao gồm: hạt *D.pteronysinus*, *D.farinae*, lông chó, lông mèo, gián có mối liên quan có ý nghĩa thống kê với tình trạng bệnh hen phế quản ($P<0,05$). Trong đó test lấy da, ở trẻ dương tính với hạt *D.pteronysinus* có nguy cơ hen phế quản thể nặng và dai dẳng cao gấp 2,44 lần trẻ âm tính (1,02;6,06). Trẻ dương tính với *D.farinae* có nguy cơ hen phế quản thể nặng và dai dẳng cao gấp 4,37 lần so với trẻ âm tính (CI 95%: 1,76;11,55). Trẻ dương tính với lông chó có nguy cơ hen phế quản thể nặng và dai dẳng cao gấp 35,32 lần trên âm tính (CI 95%: 11,23;119,89). Trẻ dương tính với lông mèo có nguy cơ hen phế quản thể nặng và dai dẳng cao gấp 35,27 lần trẻ âm tính (CI 95%: 11,34;115,11). Trẻ dương tính với gián có nguy cơ hen phế quản thể nặng và dai dẳng cao gấp 2,9 lần trẻ âm tính (CI 95% 2,89;9,03).

BÀN LUẬN

Các bệnh dị ứng và dị ứng với các dị nguyên thể hiện sự quá mẫn cảm của cơ thể. Từ giả thuyết khi cơ thể quá nhạy cảm thì mức độ hen sẽ thêm trầm trọng, đó chính là mục đích chúng tôi tiến hành nghiên cứu trên.

Thực tế kết quả nghiên cứu cho thấy tỷ lệ dị ứng trên các bệnh nhân là khá cao (82,52%). Trong nghiên cứu này, tỷ lệ mắc cao nhất vẫn là bệnh viêm mũi dị ứng (75,52). Trong khi đó, theo nghiên cứu của Phan Quang Đoàn, độ lưu hành viêm mũi dị ứng trong cộng đồng dân cư Hà Nội là 5% [2]. Như vậy, tỷ lệ viêm mũi dị ứng ở bệnh nhân hen phế quản cao hơn nhiều so với tỷ lệ viêm mũi dị ứng. Kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra rằng có mối liên quan giữa viêm mũi dị ứng và tình trạng hen phế quản nặng hơn, trong đó viêm mũi dị ứng đóng vai trò là yếu tố củng cố bệnh. Nguy cơ hen phế quản thể nặng hơn, dai dẳng ở nhóm viêm mũi dị ứng cao gấp 3,12 lần nhóm không viêm mũi dị ứng.

Trong nghiên cứu cũng cho thấy, tỷ lệ mề đay ở nhóm trẻ mắc hen phế quản là 30,07%, trong khi đó tỷ lệ mề đay – Quincke tại Hà Nội là 6,42% [1]. Như vậy tỷ lệ mề đay nhóm đối tượng hen phế quản trong nghiên cứu cao hơn trong cộng đồng. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy có mối liên quan giữa mề đay và hen phế quản cấp, trong đó nguy cơ hen phế quản thể nặng, dai dẳng ở nhóm mắc mề đay cao gấp 3,52 lần nhóm không mắc mề đay.

Các dị nguyên vào cơ thể qua các con đường hô hấp, ăn, tiêm truyền, trong đó đường hô hấp thường gặp và quan trọng nhất. Theo khuyến cáo của GINA, thì các dị nguyên đường hô hấp như bụi, nấm mốc, lông súc vật, gián,.. là những nguy cơ của hen phế quản [7]. Trong nghiên cứu có 6 yếu tố dị nguyên đường hô hấp là *D.pteronysinus*, *D.farinae*, lông chó, lông mèo, gián và chuột, trong đó có 64,34% trường hợp là dương tính với dị nguyên. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy *D.pteronysinus*, *D.farinae*, lông chó, lông mèo, gián là có mối liên quan có ý nghĩa thống kê với tình trạng hen phế quản. Dương tính với hạt *D.pteronysinus* có nguy cơ hen phế quản thể nặng và dai dẳng cao gấp 2,44 lần. Dương tính với *D.farinae* có nguy cơ hen phế quản thể nặng và dai dẳng cao gấp 4,37 lần. Dương tính với lông chó có nguy cơ hen phế quản thể nặng và dai dẳng cao

gấp 35,32 lần. Dương tính với lông mèo có nguy cơ hen phế quản thể nặng và dai dẳng cao gấp 35,27 lần. Dương tính với gián có nguy cơ hen phế quản thể nặng và dai dẳng cao gấp 2,9 lần. Như vậy các dị nguyên đường hô hấp đóng vai trò quan trọng trong việc làm gia tăng mức độ nặng nhẹ của bệnh hen phế quản. Qua đây cho thấy vai trò quan trọng trong việc vệ sinh sạch sẽ nơi ở và tránh tiếp xúc với lông súc vật nhằm phòng chống hen phế quản là điều cần thiết.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Tiền sử mắc và hiện tại mắc các bệnh dị ứng là 82,52%, trong đó viêm mũi dị ứng 75,52%, mề đay 30,07%, chàm 4,2%, dị ứng thuốc 2,8%. Dương tính với dị nguyên là 54,34%, trong đó dương tính với mạt nhà *D.pteronysinus* 52,45%, *D.farinae* 48,25%, lông chó 29,37%, lông mèo 127,27%, gián là 12,59%, chuột là 4,2%. Hen phế quản thể nặng, dai dẳng ở nhóm mắc mề đay cao gấp 3,52 lần nhóm không mắc mề đay (CI 95%: 1,46;8,43). Ở nhóm viêm mũi dị ứng cao gấp 3,12 lần nhóm không viêm mũi dị ứng (0,98;13,09). Nguy cơ hen phế quản thể nặng và dai dẳng ở nhóm dương tính với hạt *D.pteronysinus* nguy cơ cao gấp 2,44 lần, dương tính với *D.farinae* có nguy cơ cao gấp 4,37 lần, dương tính với lông chó nguy cơ cao gấp 35,32 lần, dương tính với lông mèo nguy cơ cao gấp 35,27 lần, dương tính với gián nguy cơ cao gấp 2,9 lần.

Để giảm hen phế quản thể nặng và dai dẳng cần tránh mắc các bệnh dị ứng hoặc điều trị kịp thời các bệnh dị ứng đặc biệt là với bệnh viêm mũi dị ứng, bệnh mề đay. Người bệnh cần được cách ly với các yếu tố dị nguyên đường hô hấp là *D.pteronysinus*, *D.farinae*, lông chó, lông mèo, gián và chuột. Vệ sinh môi trường sống cách ly với yếu tố dị nguyên là điều cần thiết trong việc phòng, chống bệnh hen phế quản. Cần có nhiều nghiên cứu hơn nữa để có thêm bằng chứng về vai trò các chất dị nguyên đường hô hấp và các bệnh dị ứng ở người bệnh hen phế quản.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phan Quang Đoàn, Nguyễn Văn Tĩnh- Trường Đại học Y Hà Nội, Lê Anh Tuấn, Sở Y tế Hà Nội (2009), "*Tình hình mắc bệnh mề đay, phù Quincke trong cộng đồng dân cư Hà Nội năm 2008*", Tạp chí y học thực hành, Số 01/2009
2. Phan Quang Đoàn (2008), "*Nguyên nhân và các yếu tố thuận lợi gây hen phế quản*", Dịch tễ học, chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh hen, Nhà xuất bản Y học Hà Nội, Tr 68-77.
3. Mavale Manual S., Alexandre F., Duarte N., et al (2004), "Risk factors for asthma among children in Maputo (Mozambique)", *Allergy Journal*, 59, pp.388-393
4. Harald Renz (1998), "Atopy and Allergy", *Clinical Laboratory Diagnostics*, chapter 22, pp. 774-778
5. ISAAC (The International study of asthma and Allergies in Childhood) (2011), "Asthma Report 2011"
6. GINA (Matthew Masoli, Denise Fabian, Shaun Holt, Richard Beasley, Medical Research Institute of New Zealand, Wellington, New Zealand, University of Southampton, Southampton, United Kingdom (2012)), "Global Burden of Asthma".
7. GINA (2006), Sổ tay phòng chống hen suyễn, người dịch Lê Thị Tuyết Lan.